

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 354/2025/HC-PT

Ngày: 26/5/2025

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký viên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 184/2025/TBTL-HC ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 99/2024/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5098/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Xuân T; địa chỉ: Tổ dân phố R, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Anh Nguyễn Văn B; địa chỉ: Tổ dân phố R, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T: Ông Nguyễn Văn T1 - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hoàng B1 – Phó chủ tịch; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị H, anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn B; địa chỉ: Tổ dân phố R, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Điều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh Đ, chị T2: Anh Nguyễn Văn B; địa chỉ: Tổ dân phố R, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

- Ông Trần Hữu D; địa chỉ: Tổ dân phố R, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Có mặt.

- Bà Vũ Thị T3, anh Trần Hữu M và chị Trần Thị Đ1; địa chỉ: Tổ dân phố R, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Điều vắng mặt.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hữu D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2024 và các lời khai tiếp theo tại Toà án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS 124537 do UBND huyện V (nay là UBND thị xã V), tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21/05/2019; số vào sổ cấp GCN: CH01763. QĐ số: 1674/QĐ-UBND, đứng tên hộ ông Trần Hữu D.

Căn cứ người khởi kiện đưa ra các yêu cầu trên, bởi vì:

Về nguồn gốc sử dụng đất là do bố mẹ ông Dương Văn S khai hoang 01 thửa đất hơn 04 thước tại xứ Đ, thôn Đ, xã T, huyện V (nay là xứ Đ, tổ dân phố R, phường T, thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Năm 1998, ông T có đặt nhờ 01 ngôi mộ của cha ông là cụ Nguyễn Văn M1 trên thửa ruộng của gia đình ông S. Đến năm 2006, do muốn đặt mộ của mẹ ông là cụ Nguyễn Thị T4 cạnh mộ cụ M1, ông T có đổi 5,7 thước ruộng để lấy hơn 04 thước ruộng của gia đình ông S.

Việc đổi ruộng hai bên chỉ thống nhất với nhau bằng miệng, không lập thành văn bản. Tuy nhiên, hai bên đã bàn giao ruộng cho nhau trên thực tế từ năm 2006. Sau khi nhận ruộng, gia đình ông T đã xây mộ cụ T4 trên thửa ruộng đã đổi của ông S, đồng thời canh tác từ năm 2006 đến nay. Hiện nay ông Dương Văn S vẫn đang sinh sống tại địa phương và vẫn công nhận việc đổi đất này.

Khoảng cuối năm 2022, ông phát hiện gia đình ông Trần Hữu D tiến hành canh tác trên thửa ruộng này của gia đình ông và xảy ra tranh chấp.

Tháng 6/2023, ông được ông D cho biết thửa đất đang có tranh chấp đã được UBND thị xã V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông D, bao gồm cả phần đất hai ngôi mộ của bố mẹ ông.

Ông nhận thấy, việc UBND huyện V (sau đây thống nhất viết là thị xã V) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho hộ

ông Trần Hữu D có nhiều sai phạm cần phải được hủy bỏ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông, cụ thể:

- Phần diện tích đất đang tranh chấp giữa gia đình ông và gia đình ông D có nguồn gốc là đất hoang hóa do bố mẹ ông S khai hoang, phục hóa và sử dụng từ trước năm 1990 đến năm 2006 đã đổi cho gia đình ông, gia đình ông đã xây dựng 02 ngôi mộ của cha, mẹ ông trên thửa đất và quản lý, sử dụng ổn định đến nay.

- Khi thực hiện việc dồn điền, đổi thửa nhân dân thôn Râm đã họp và thống nhất không đưa diện tích đất hoang hóa vào dồn điền đổi thửa, việc này đã được các cán bộ thôn Râm thời điểm năm 2019 và các thành viên hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã xác nhận.

- Hiện khu đất tranh chấp đã được quây rào tách biệt với thửa đất ruộng của gia đình ông D và trên đất đã tồn tại 02 ngôi mộ từ trước thời điểm dồn điền đổi thửa.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 và khoản 1 Điều 204 Luật Đất đai năm 2013, việc UBND thị xã V cấp GCNQSDĐ số CS 124537 ngày 21/05/2019 cho hộ ông Trần Hữu D là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

UBND thị xã V do ông Lê Hoàng B1, chức vụ Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày:

Diện tích đất Tòa án đang xem xét, giải quyết vụ án là đất nông nghiệp của hộ dân thôn Đ, xã T, huyện V (nay là tổ dân phố Đ, phường T, thị xã V), có thực hiện dồn điền đổi thửa năm 2015. Theo kết quả dồn điền đổi thửa, đất khu vực này giao cho hộ ông Trần Hữu D với diện tích 5.601,0m² (có biên bản giao ruộng sau dồn điền đổi thửa ngày 11/8/2015), xứ đồng Ven B, thôn Đ.

Năm 2017, các khu vực dồn điền đổi thửa xã Tự Lạn được đo đạc bản đồ địa chính để thực hiện cấp đổi GCNQSDĐ, trong đó có thôn Đ. Diện tích đất khu vực của hộ ông D nêu trên được đo đạc thể hiện tại thửa 199, tờ bản đồ 66, diện tích 5.660,4m² (bao gồm cả phần diện tích có mộ đang giải quyết). Năm 2019 đơn vị tư vấn của UBND thị xã V phối hợp UBND xã T hướng dẫn kê khai, lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa trên địa bàn thôn Đ, trong đó có hộ ông D.

Đến ngày 21/5/2019, hộ ông D được UBND huyện cấp GCNQSDĐ số vào sổ CH 01763, số phát hành CS 124537, thửa đất số 199, tờ bản đồ 66, diện tích 5.660,4m². Sau khi nhận GCNQSDĐ gia đình ông D quây rào sắt đồ trụ cột bê tông theo diện tích, ranh giới đã được cấp GCNQSDĐ, trong đó bao gồm cả diện tích đất có mộ đang được Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm tra thực địa thửa đất thấy hiện trạng đang sử dụng gồm một phần là đất ao, một phần đất trồng cây lâu năm (bưởi) và có 02 ngôi mộ (diện tích đang

sử dụng theo hiện trạng gồm cả phần diện tích đã cấp GCNQSDĐ và một phần diện tích tập thể quản lý chưa giao cho ai). Vị trí mộ chiếm dụng được xác định ở vị trí xung quanh các điểm 7, 8, 9 phía Đông sơ đồ thửa đất trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ.

Xem xét Báo cáo số 113/BC-UBND ngày 10/7/2023 của UBND xã T, UBND xã T xác định 2 ngôi mộ trong thửa đất 199 nêu trên phát sinh từ trước thời điểm dồn điền đổi thửa, là mộ của gia đình ông Nguyễn Xuân T; ranh giới giao ruộng cho hộ gia đình ông D không bao gồm diện tích mộ chiếm dụng nêu trên, tường rào quanh diện tích cấp GCNQSDĐ được thiết lập sau thời điểm cấp GCNQSDĐ.

Đối chiếu ranh giới, chỉ giới cấp GCNQSDĐ thấy, chỉ giới, ranh giới cấp GCNQSDĐ không hoàn toàn thống nhất với sơ đồ giao ruộng sau dồn điền đổi thửa (về hình dạng, kích thước); diện tích cấp GCNQSDĐ tăng 59,4m² so với diện tích giao ruộng sau dồn điền đổi thửa.

Từ những nội dung xác minh nêu trên, UBND thị xã thấy việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông D đối với thửa đất 199 không đúng quy định pháp luật (không đúng diện tích) và thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 (nay là điểm d khoản 2 Điều 152 Luật Đất đai 2024).

Đối với yêu cầu khởi kiện: Việc ông T cho rằng GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông D không đúng quy định là có cơ sở. Việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông D là có căn cứ pháp lý. Tuy nhiên, để giải quyết dứt điểm vụ việc, quan điểm của UBND thị xã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Sau khi nhận được bản án có hiệu lực pháp luật, UBND thị xã sẽ thực hiện theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H, anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị T2 và anh Nguyễn Văn B đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Xuân T đã trình bày, không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu D, bà Vũ Thị T3, anh Trần Hữu M và chị Trần Thị Đ1 thống nhất trình bày: Không đồng ý với ý kiến của người khởi kiện. Đất của hộ gia đình được UBND thị xã V cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định pháp luật, không hề chồng lấn hay lấy đất của gia đình ông T. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 99/2024/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, Điều 115, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 205, Điều 206, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 9 và điểm b khoản 2 Điều 15 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

ngày 19/5/2014 của Bộ T5 quy định về hồ sơ địa chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS 124537, sổ vào sổ cấp GCN: CH01763 do UBND thị xã V, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21/5/2019 cho hộ ông Trần Hữu D diện tích 5.660,4m²; mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa đất số 199, tờ bản đồ số 66; địa chỉ thửa đất tại xứ đồng B, thôn Đ, xã T, huyện V (nay là phường T, thị xã V), tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hữu D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ có quan điểm thể hiện: Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Hữu D không xuất trình được tài liệu mới bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hữu D và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 21/5/2019, UBND thị xã V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ ông Trần Hữu D được quyền sử dụng diện tích 5.660,4m²; mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản; địa chỉ thửa đất tại xứ đồng B, thôn Đ, xã T, huyện V (nay là phường T, thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Tháng 6/2023, xảy tranh chấp với ông Trần Hữu D, khi đó ông Nguyễn Xuân T mới được biết hộ ông D được UBND thị xã V cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 5.660,4m², trong đó có cả diện tích đất ruộng có 02 ngôi mộ của bố mẹ ông. Ngày 12/4/2024, ông Nguyễn Xuân T làm đơn khởi kiện đề nghị hủy Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên hộ ông Trần Hữu D. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 5, Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tổ tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Trần Hữu D trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện, theo đó:

- Về thẩm quyền: UBND thị xã V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 124537 ngày 21/5/2019 cho hộ ông Trần Hữu D là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục và căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/11/2018, chủ sử dụng đất ghi là hộ ông Trần Hữu D và bà Vũ Thị T3, nhưng UBND thị xã V lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Hữu D là không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T5 quy định về hồ sơ địa chính.

Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, không có văn bản thỏa thuận về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân và phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất của UBND xã T (nay là UBND phường T) đã được UBND huyện V (nay là UBND thị xã V) phê duyệt là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư nêu trên.

Căn cứ GCNQSDĐ của UBND thị xã V cấp ngày 06/06/1999 cho hộ ông Trần Hữu D, tổng số diện tích đất trồng lúa của hộ ông D là 4.321,0m² và biên bản bàn giao đất cho hộ ông D sau dồn điền đổi thửa ngày 11/8/2015 có trong hồ sơ thể hiện hộ ông D chỉ được bàn giao diện tích đất là 5.601,0m² nhưng khi UBND thị xã V cấp GCNQSDĐ cho hộ ông D với diện tích là 5.660,4m² là không đúng với diện tích đất nông nghiệp hộ ông D được giao sau dồn điền, đổi thửa.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các đương sự và người đại diện đều thừa nhận: Trên diện tích đất đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông D có 02 ngôi mộ

của gia đình ông T và 02 ngôi mộ này phát sinh từ trước thời điểm dồn điền đổi thửa, ranh giới giao ruộng cho hộ ông D không bao gồm diện tích đất có 02 ngôi mộ và chỉ giới, ranh giới cấp GCNQSDĐ không hoàn toàn thống nhất với sơ đồ giao ruộng sau dồn điền đổi thửa về hình dạng, kích thước, diện tích cấp GCNQSDĐ tăng 59,4m² so với diện tích giao ruộng sau dồn điền đổi thửa lập ngày 11/8/2015 nên việc gia đình ông Trần Hữu D đã được cấp GCNQSDĐ vào cả phần mộ và phần đất mộ gia đình ông T đang quản lý, sử dụng, dẫn đến gia đình ông D cản trở, xảy ra tranh chấp không cho gia đình ông T vào hương khói và thăm nom, cải tạo mộ trong những dịp ngày giỗ, ngày tết.

Mặt khác, UBND thị xã V cũng xác định việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Trần Hữu D đối với thửa đất 199 không đúng quy định của pháp luật (không đúng diện tích) và thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 124537 do UBND thị xã V, tỉnh Bắc Giang cấp cho hộ ông Trần Hữu D ngày 21/5/2019 là đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Từ đó, Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hữu D.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra ông Trần Hữu D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, tuy nhiên do ông D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu D; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 99/2024/HC-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Hữu D được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm

Hoàng Thị Bích Hải

Vũ Thị Thu Hà